

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/LĐ-PT

Ngày: 12/5/2020

V/v tranh chấp: “**Bồi thường chi phí  
đào tạo và bồi thường do đơn phương  
chấm dứt hợp đồng lao động**”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Song Bình

Bà Trần Thị Thu Hằng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Lê Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: **03/2020/TLPT-LĐ** ngày **16 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp “Bồi thường chi phí đào tạo và bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”**.

Do bản án **lao động** sơ thẩm số **04/2019/LĐ-ST** ngày **20/11/2019** của Tòa án nhân dân **thị xã L**, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **127/2020/QĐ-PT** ngày **30/3/2020** giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty S;

Địa chỉ: KCN G, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Zhang Y – Chức vụ: Chủ tịch, kiêm Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Anh C, sinh năm 1976; (Có mặt)

Địa chỉ: Đường T, Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo văn bản ủy quyền ngày 12/12/2019.

- *Bị đơn:* Ông Lê Minh N, sinh năm 1989; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã Q, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Võ Tuấn Vĩnh T – Công ty luật TNHH một thành viên Vĩnh T, Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – ông Lê Minh N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm;

*Nguyên đơn – Công ty S, người đại diện theo ủy quyền – ông Phùng Anh C trình bày:*

Ngày 03/01/2019, Công ty S (Công ty) và ông Lê Minh N có ký hợp đồng lao động số HDLĐLC2019-01, thời hạn của hợp đồng lao động là 01 năm. Trước khi ký hợp đồng lao động nêu trên, ngày 16/10/2017 Công ty ký thỏa thuận cử ông N đi đào tạo tại Trung Quốc, thời gian từ ngày 01/3/2018 đến ngày 25/8/2018 với mức lương 10.000.000 đồng/tháng. Sau đó, ngày 13/9/2018 Công ty ký với ông N thỏa thuận đào tạo tại Trung Quốc thời gian từ 21/10/2018 đến ngày 16/12/2018 với mức lương 11.000.000 đồng/tháng. Trong các thỏa thuận cử nhân viên đi đào tạo mà Công ty đã ký kết với ông N vào ngày 16/10/2017 và 13/9/2018 ông N đều cam kết rằng sẽ quay trở lại làm việc cho Công ty với thời gian ít nhất 02 năm kể từ ngày kết thúc khóa đào tạo trở về.

Sau khi đào tạo từ Trung Quốc về Việt Nam, ông N đã ký hợp đồng thử việc số LCVN11/HDTV ngày 03/12/2018 và sau đó ký hợp đồng lao động số HDLĐLC2009-01 ngày 03/01/2019 với Công ty và ông N đã đến Công ty làm việc bình thường theo hợp đồng đã ký kết.

Tuy nhiên đến ngày 12/02/2019, ông N tự ý bỏ việc không có lý do, Công ty đã liên lạc với ông N nhiều lần nhưng không được.

Nay, Công ty S yêu cầu:

- Buộc ông Lê Minh N bồi thường cho Công ty 01 tháng lương là 6.013.000 đồng do ông N tự ý bỏ việc, vi phạm thời hạn báo trước cho Công ty khi nghỉ việc.

- Buộc ông Lê Minh N bồi thường cho Công ty toàn bộ chi phí đào tạo bao gồm:

+Vé máy bay đi về đợt 1: 467,75 USD;

+Bảo hiểm: 68,4 USD;

+Trợ cấp đào tạo: 2.755,76 USD;

+Chi phí ăn, ở, sinh hoạt: 1.111,76 USD;

+Vé máy bay đi về đợt 2: 577, 06 USD;

+Trợ cấp đào tạo: 1.103,58 USD;

+Chi phí ăn, ở, sinh hoạt: 370, 59 USD;

Tổng cộng là 6.454,90 USD. Thành tiền Việt Nam là: 6.454,90 x 23.000 đồng/USD = 148.462.700 đồng (bao gồm tiền lương theo thỏa thuận).

Tổng cộng buộc ông N bồi thường cho Công ty S số tiền là 154.475.700 đồng. Trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Trước khi khởi kiện, Công ty yêu cầu ông N trả số tiền 238.713.000 đồng. Nay, Công ty rút lại yêu cầu ông N bồi thường đối với số tiền 84.237.300 đồng.

*Bị đơn – ông Lê Minh N trình bày:* Ông N thống nhất có ký thỏa thuận với Công ty S (Công ty) về việc đi đào tạo như đại diện Công ty trình bày, ông có nhận lương như thỏa thuận và trợ cấp, chi phí ăn, ở, phương tiện sang Trung Quốc bằng máy bay. Nhưng ông không đồng ý đối với yêu cầu của Công ty vì ông N nghỉ việc được người quản lý công ty đồng ý bằng miệng, chủ Công ty có thái độ xúc phạm nhân viên, chậm trả lương cho công nhân và trừ lương nhân viên không có căn cứ, ông được cử đi đào tạo nhưng thực chất như người đi lao động chui ở Trung Quốc.

Bản án lao động sơ thẩm số 01/2019/LĐ-ST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ điểm b khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37, Điều 43, Điều 62 Bộ luật lao động; Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty S. Buộc ông Lê Minh N bồi thường cho Công ty S 01 tháng tiền lương là 6.013.000 đồng và chi phí đào tạo là 148.462.700 đồng. Tổng cộng là 154.475.700 đồng. Trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày Công ty S có đơn thi hành án gửi cơ quan thi hành án dân sự, mà ông N không thanh toán hoặc chậm thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng ông N còn phải trả cho Công ty S khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/11/2019, bị đơn – ông Lê Minh N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu ý kiến: Ông N có đi sang Trung Quốc nhưng không được đào tạo. Chứng từ chi phí của Công ty chỉ là bản photo, không có chứng từ gốc. Trong văn bản thỏa thuận có nêu tiền lương của ông N. Công ty khởi kiện yêu cầu ông N bồi thường chi phí đào tạo là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung, nhận thấy bản án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty, buộc ông N bồi thường cho Công ty 01 tháng tiền lương vì vi phạm thời hạn báo trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là phù hợp với khoản 2 Điều 43 Bộ luật lao động. Đối với yêu cầu bồi thường chi phí đào tạo của Công ty là chưa có cơ sở vì Công ty đưa ông N sang Trung Quốc đào tạo không đảm bảo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, yêu cầu kháng cáo của ông Lê Minh N, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp **bồi thường chi phí đào tạo và bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động**” là có căn cứ.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Minh N nhận thấy:

Ngày 03/01/2019, Công ty S (Công ty) và ông Lê Minh N có ký hợp đồng lao động số HDLĐLC2019-01, thời hạn của hợp đồng lao động là 01 năm.

[3] Trước khi ký hợp đồng lao động nêu trên, ngày 16/10/2017 Công ty ký Thỏa thuận cử ông N đi đào tạo tại Trung Quốc, thời gian từ ngày 01/3/2018 đến ngày 25/8/2018 (BL 180-181). Sau đó, ngày 13/9/2018 Công ty ký với ông N Thỏa thuận đào tạo tại Trung Quốc lần thứ 2 thời gian từ ngày 21/10/2018 đến ngày 16/12/2018 (BL 25-26). Trong các thỏa thuận cử nhân viên đi đào tạo mà Công ty đã ký kết với ông N vào ngày 16/10/2017 và ngày 13/9/2018 ông N đều cam kết rằng sẽ quay trở lại làm việc cho Công ty với thời gian ít nhất 02 năm kể từ ngày kết thúc khóa đào tạo trở về (Điều 3 của Thỏa thuận). Nếu bên ông N đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động hoặc khi Hợp đồng lao động giữa bên Công ty với bên ông N hết hạn, nhưng bên ông N không muốn ký tiếp Hợp đồng lao động với bên Công ty, để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của thỏa thuận cử nhân viên đi đào tạo, bên ông N phải bồi thường cho bên Công ty toàn bộ chi phí đào tạo mà bên Công ty đã trả cho bên ông N trong quá trình đào tạo.

Trong trường hợp hết thời gian thử việc, bên ông N không đạt yêu cầu mà bên Công ty đã đặt ra và bị bên Công ty từ chối nhận vào làm việc, bên ông N không phải bồi thường chi phí đào tạo cho bên Công ty (Điều 4 của Thỏa thuận).

[4] Sau khi đi đào tạo từ Trung Quốc (lần thứ 2) về Việt Nam, ông N đã ký Hợp đồng thử việc số LCVN11/HDTV ngày 03/12/2018 và sau đó ký Hợp đồng lao động số HDLĐLC2019-01 ngày 03/01/2019 với Công ty như đã nêu trên và ông N đã đến Công ty làm việc bình thường theo hợp đồng đã ký kết.

Tuy nhiên đến ngày 12/02/2019, ông N tự ý bỏ việc không có lý do. Như vậy ông N đã đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động mà không báo trước cho Công ty trong thời hạn 30 ngày theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 37 Bộ luật lao động là trái pháp luật (quy định tại Điều 41 Bộ luật lao động). Ngoài ra ông N vi phạm nghĩa vụ phải bồi thường chi phí đào tạo theo Thỏa thuận đã ký kết giữa Công ty với ông N.

[5] Công ty yêu cầu ông N phải bồi thường cho Công ty một khoản tiền tương ứng với tiền lương của ông N trong những ngày không báo trước và hoàn trả chi phí đào tạo cho Công ty là có cơ sở để chấp nhận (theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 43 Bộ luật lao động).

[6] Xét án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty S. Buộc ông Lê Minh N bồi thường cho Công ty S 01 tháng tiền lương là 6.013.000 đồng và chi phí đào tạo số tiền 148.462.700 đồng. Tổng cộng 154.475.700 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 37, Điều 41, Điều 43 và Điều 62 Bộ luật lao động. Tuy nhiên án sơ thẩm không xem xét việc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông N bồi thường chi phí đào tạo số tiền 84.237.300 đồng để đình chỉ xét xử đối với việc rút một phần yêu cầu này của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự là có thiếu sót. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[7] Ông Lê Minh N kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới. Tại phiên tòa phúc thẩm ông N trình bày hợp đồng lao động và Thỏa thuận cử ông N đi đào tạo ở Trung Quốc là do ông tự nguyện ký kết với Công ty, ông thừa nhận có vi phạm hợp đồng và Thỏa thuận đã ký kết giữa Công ty với ông. Do đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N.

[8] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông Lê Minh N, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[9] Về án phí: Ông Lê Minh N phải chịu án phí lao động phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 37, Điều 41, Điều 43 và Điều 62 Bộ luật lao động; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Minh N, giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số 01/2019/LĐ-ST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty S yêu cầu ông Lê Minh N bồi thường chi phí đào tạo số tiền là 84.237.300 đồng.

3/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty S. Buộc ông Lê Minh N bồi thường cho Công ty S 01 tháng tiền lương là 6.013.000 đồng và chi phí đào tạo là 148.462.700 đồng. Tổng cộng là 154.475.700 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty S có đơn yêu cầu thi hành án gửi cơ quan thi hành án dân sự, nếu ông Lê Minh N chậm thi hành án thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4/ Về án phí: Ông Lê Minh N phải chịu 4.634.271 đồng án phí lao động sơ thẩm và 300.000 đồng án phí lao động phúc thẩm. Ông N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000215 ngày 27/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, tỉnh Tiền Giang, khấu trừ xem như nộp xong án phí phúc thẩm.

Hoàn lại Công ty S 3.580.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000104 ngày 15/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã L, TG;
- CCTHADS thị xã L, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOA PHIÊN TOÀ**

